©2020 Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á
Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á
Số 6 (91), tháng 6-2020
http://visas.vass.gov.vn
ISSN: 0866-7314

Tư tưởng Hồ Chí Minh và chính sách của Nhà nước Việt Nam đối với Phật giáo từ năm 1945 đến nay

Nguyễn Tất Đạt - Nguyễn Ngọc Quỳnh***

** Trường Đại học Nội vụ Hà Nội, ** Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*

Ngày nhận bài: 22/04/2020, ngày gửi phản biện: 24/04/2020, ngày duyệt đăng: 02/06/2020

Bài viết giới thiệu những điểm tương đồng giữa tư tưởng Hồ Chí Minh với giáo lý Phật giáo. Trên cơ sở tiếp thu và vận dụng di sản tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách tôn giáo, trong đó có Phật giáo, để vừa đảm bảo quyền tự do tôn giáo vừa thực hiện đoàn kết tôn giáo, đoàn kết dân tộc, tạo ra sức mạnh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Từ khóa: Chính sách tôn giáo, Phật giáo, tư tưởng Hồ Chí Minh

Mở đầu

Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự kết tinh những giá trị văn hóa, tinh thần Việt Nam với văn hóa phương Đông và phương Tây. Trong mọi hoàn cảnh, dù là lúc sinh thời hay sau khi đã mất, tư tưởng của Hồ Chí Minh vẫn luôn ảnh hưởng rất lớn đến cách mạng Việt Nam. Điều này thể hiện rõ trong các chính sách của Nhà nước, trong đó có chính sách đối với tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng.

1. Sự tương đồng giữa Phật giáo và tư tưởng Hồ Chí Minh

Mọi người, mọi dân tộc đều bình đẳng, không phân biệt, kỳ thị, mọi người đoàn kết thân ái hướng tới thế giới đại đồng

Đức Phật ra đời vào khoảng thế kỷ VI trước Công nguyên. Lúc đó, xã hội Ấn Độ cổ đại đang áp dụng luật Ma-nu với sự phân chia làm bốn đẳng cấp. Đẳng cấp cao nhất, có nhiều quyền lợi nhất là đẳng cấp Bà-la-môn, gồm tăng lữ, người hoạt động tôn giáo. Đẳng cấp cao thứ hai trong xã hội là Sát-đế-lợi, gồm vua, chúa, quan lại và tầng lớp võ sĩ. Đẳng cấp xếp thứ ba là Vệ-xá, gồm thợ thủ công, người buôn bán, người làm nông nghiệp. Và đẳng cấp thấp nhất trong xã hội là Thủ-đà-la, gồm những người nghèo khổ không có tư liệu sản xuất, bị khinh miệt, phải lao động cực khổ để phục dịch các đẳng cấp trên. Sự bất bình đẳng thể hiện trên tất cả các mặt từ kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa cho đến những sinh hoạt hằng ngày. Trong xã hội bất bình đẳng như vậy, đủ xuất thân trong vương cung quý tộc nhưng Đức Phật vẫn tuyên bố về sự bình đẳng giữa

** quynhqlkh.vass@gmail.com

người với người: Không có đẳng cấp trong dòng máu cùng đỏ, không có đẳng cấp trong giọt nước mắt cùng mặn (Võ Đình Cường, 1987, tr.92). Không chỉ phát ngôn, trên thực tế, Đức Phật đã thực hiện bình đẳng, giải phóng bất công ngay trong tổ chức Tăng già của Ngài. Tinh thần của Phật là bình đẳng, đoàn kết, lục hòa và thực tế, các đệ tử này đều bình đẳng, đoàn kết trong giáo đoàn. Có thể coi đây là một minh chứng điển hình cho tư tưởng bình đẳng về quyền con người và giải phóng bất công của Đức Phật.

Về phần người thanh niên Nguyễn Tất Thành (sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh), ngay từ lúc đã khát khao tìm đọc những tài liệu về quyền bình đẳng của con người và phê phán sự chuyên quyền, độc đoán. Đến khi trở thành Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tinh thần bình đẳng về các quyền của con người đã được Người khẳng định trong Tuyên ngôn Độc lập ngày 2/9/1945. Với việc dẫn lại câu nói bất hủ trong Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của Mỹ: "Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc", Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn khẳng định: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do. Qua đó có thể thấy niềm tin của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào chân lý về sự bình đẳng của con người và rộng hơn là bình đẳng của các dân tộc.

Xuất phát từ tình thương yêu con người, thông qua giáo dục, tu dưỡng để phát triển trí tuệ, nâng cao phẩm giá con người

Theo chúng tôi, một trong những giá trị cốt lõi trong tư tưởng của đạo Phật là từ bi, trí tuệ. Từ bi là lòng thương yêu đối với con người, nhất là những thân phận thấp kém hay những người có cảnh ngộ oan trái. Vì vậy trong cuộc sống, nhiều người vẫn quan niệm đạo Phật là cứu khổ, cứu nạn. Phật nói, con người đau khổ do sự vô minh, do không nhận thức được dung bản ngã của sự vật nên đã đuổi theo ảo ảnh, tranh cướp nhau về danh, lợi, tình - những thứ vốn là phù du. Do con người quáham chuộng vào những thứ ảo ảnh bên ngoài nên đã dốc lực, dốc trí và thời gian, đôi khi cả thủ đoạn để đạt được, làm cho thân tâm con người ngày càng hao mòn, giống như ngọn lửa ngày càng leo lét, tắt lụm chỉ còn tro tàn, khói lạnh. Phật khuyên chúng ta giữ cho tâm tính lặng để trí tuệ bừng sáng, con người nhận đúng "bản lai diện mục" của vạn vật, từ đó có hành động đúng, ứng xử đúng, lối sống đúng. Lối sống đó chính là trung đạo, không để thiên tả, không để lệch hữu. Sống khổ hạnh, thân mình ép xác cùng không thể tìm được hạnh phúc; sung sướng, đầy đủ, thừa thãi về vật chất cũng chưa thấy hạnh phúc. Chỉ có lối sống không quá đề cao hưởng thụ vật chất, từ bi hỉ xả, luôn giữ thân tâm thanh tịnh mới mở mang được trí tuệ để nhận thức đúng bản chất cuộc sống, bản chất của sự vật, từ đó tìm thấy được hạnh phúc thực sự và bền vững.

Tình yêu thương của Hồ Chí Minh đối với dân tộc, đối với đất nước thể hiện ở sự hy sinh suốt cuộc đời cho hạnh phúc của đồng bào, của nhân dân. Ngày 23/10/1946, sau khi từ Pháp trở về, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời tuyên bố với quốc dân, trong đó Người nói: "Một ngày mà cả nước chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ, là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên" (Trần Việt Hoàn - Lê Kim Dung, 1997, tr.53). Đối với nạn nhân chiến tranh, tình yêu thương con người của Hồ Chí Minh là vô bờ bến, không phân biệt các bên tham chiến: "Than ôi, trước lòng bác ái, thì máu Pháp hay máu Việt cũng đều là máu, người Pháp hay người Việt cũng đều là người... vì lẽ gì... mà đem máu quý báu của thanh niên Pháp đỏ trên non nước Việt Nam... cần phải bắt tay nhau... gây dựng hạnh phúc chung" (Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2000, tr.45"). Để giúp con người ngày một hoàn thiện, xã hội ngày càng phát triển, Hồ Chí Minh rất chú trọng đến

học tập, rèn luyện để nâng cao nhận thức, phát triển trí tuệ. Người nói: "Xã hội phát triển không ngừng, tiến bộ cũng phải không ngừng, muốn tiến bộ mãi thì phải học tập. Học trong sách báo, học trong công tác, học với anh em, học hỏi quần chúng. Học tập để phát triển ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm" (Trí Thắng Kim Dung, 2000, tr.87). Từ tình yêu thương con người, với quan niệm mọi người sinh ra là bình đẳng, các dân tộc là bình đẳng, Hồ Chí Minh đã khẳng định đoàn kết là sức mạnh đem đến thành công: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công".

2. Chính sách của Nhà nước Việt Nam đối với tôn giáo: trường hợp Phật giáo

Phật giáo là tôn giáo có thời gian du nhập, tồn tại ở Việt Nam lâu đời nhất so với các tôn giáo khác nên nó có ảnh hưởng sâu đậm trong văn hóa, tinh thần của nhân dân, như lời bài thơ *Nhớ chùa* của Hòa thượng Thích Mãn Giác: "Mái chùa che chở hồn dân tộc - Nếp sống muôn đời của tổ tông" (phatgiaohue.vn). Phật giáo Việt Nam trong thời hiện đại có nhiều đóng góp với sự nghiệp cách mạng do Đảng và Nhà nước lãnh đạo. Trên cơ sở đoàn kết toàn dân, đoàn kết tôn giáo, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã có những chính sách phù hợp với Phật giáo. Chúng tôi xin đơn cử một số chính sách dưới đây để minh họa.

Đảng và Nhà nước Việt Nam chủ trương kêu gọi và tập hợp các lực lượng Phật giáo vào cuộc kháng chiến kiến quốc

Ngày 23/5/1946, trong lúc nước sôi lửa bỏng, cả nước đang phải dồn sức đấu tranh chống thù trong giặc ngoài, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp đã ký Quyết định cho phép thành lập Hội Việt Nam Phật giáo và cho phép giữ nguyên điều lệ tôn chỉ, mục đích của Hội Phật giáo Bắc Kỳ thành lập từ năm 1934. Ngoài ra, ở một số địa phương còn thành lập Hội Phật giáo Cứu quốc như Hải Phòng, Thủ Dầu Một,.v.v... Điều đó cho thấy Nhà nước Việt Nam rất quan tâm đến nhu cầu tín ngưỡng Phật giáo của nhân dân, tập hợp lực lượng Phật tử trong các tổ chức để huy động họ tham gia giúp chính quyền cách mạng. Khi đến thăm chùa Bà Đá, một ngôi chùa nổi tiếng của Hà Nội, ngày 5/1/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Việc Phật không xa rời thế gian, phải tham gia vào công việc của cách mạng, cứu đói, cứu dốt" (Ban Văn hóa Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tháng 8/1990). Vì vậy, lực lượng Phật tử đã hăng hái đóng góp vào phong trào diệt giặc đói, diệt giặc dốt, phong trào hũ gạo kháng chiến. Nhiều Phật tử tham gia vệ quốc quân. Có những tăng sĩ Phật giáo cởi cả sa khoác chiến bào, tham gia Mặt trận Việt Minh, như Hòa thượng Minh Tịnh - Nhẫn Tế: "Năm Ất Dậu 1945 hưởng ứng lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Ngài tham gia Hội Phật giáo Cứu quốc Thủ Dầu Một và được để cử làm Chủ tịch. Tháng 6 năm 1946, Ngài là thành viên Mặt trận Việt Minh tỉnh Thủ Dầu Một. Ngài đóng góp nhiều công lao cho cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam" (Thích Đồng Bổn, 2002, tr.182). Đồng thời, cũng có những Phật tử thuần thành như Trần Duy Hưng tham gia kháng chiến và sau trở thành Chủ tịch UBND đầu tiên của Thành phố Hà Nội.

Nhà nước chú trọng công tác hướng dẫn giáo dục tăng, ni, Phật tử tinh thần yêu nước, đoàn kết và tôn trọng pháp luật, đồng thời chăm sóc đời sống vật chất cho tăng, ni

Đây là nhiệm vụ rất quan trọng trong công tác dân vận của Đảng và Nhà nước. Các tổ chức đảng và chính quyền các cấp có nhiệm vụ tuyên truyền đường lối, chính sách tự do tôn giáo của Đảng và

Nhà nước, chính sách đoàn kết toàn dân, chính sách xây dựng nền văn hóa mới bài trừ tệ mê tín dị đoan cho tăng, ni, Phật tử, "Tăng cường việc giáo dục Tăng, Ni và giúp đỡ Tăng, Ni về đời sống" (Ban Chấp hành Trung ương, 1960).

Trong hoàn cảnh đất nước chiến tranh, cũng như trong thời kỳ bao cấp, khó khăn kinh tế, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm đến đời sống của tăng, ni, yêu cầu chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể giúp đỡ vật chất cho tăng, ni: "Đối với Tăng, Ni: đi đôi với công tác giáo dục nhằm nâng cao tinh thần yêu nước và lòng tin tưởng vào chính sách của Đảng và Chính phủ, phải chú ý chăm sóc đời sống của Tăng, Ni, phải có biện pháp thiết thực giúp đỡ họ về cơ sở vật chất để họ có thể sản xuất tự túc, ổn định đời sống. Phải tiến hành điều tra lập danh sách, bố trí những chùa có cơ sở vật chất có người trụ trì và sắp xếp những người có sức lao động về cùng những người mất sức lao động để giúp đỡ nhau. Phải giải quyết tốt vấn đề lương thực. Các địa phương cần quan tâm giúp đỡ nhất là đối với Tăng, Ni già yếu, mất sức lao động" (Thường vụ Hội đồng Chính phủ, 1968).

Khi ban hành luật cải cách ruộng đất để phá sự tập trung đất của địa chủ chia cho dân cày thì ruộng đất của các tôn giáo đều nằm trong diện phải trưng thu hay tịch thu để chia cho nông dân. Nhưng chính sách của Nhà nước là phân biệt tu sĩ Phật giáo với thành phần địa chủ phong kiến, xem họ không phải đối tượng bóc lột cần trừng trị: "Vườn đất, ao hồ, cây cối trong khu nội tự đều do tăng, ni chăm sóc và thu sản phẩm. Nếu tăng, ni không đủ sức chăm sóc và yêu cầu giúp đỡ thì hợp tác xã cần giúp đỡ như xã viên. Đối với ruộng đất của chùa ở ngoài khu nội tự thì giải quyết như sau: trường hợp tăng, ni tự nguyện đưa vào hợp tác xã và tham gia lao động sản xuất thì hợp tác xã căn cứ vào khả năng lao động thực tế và điều kiện hoạt động tôn giáo của tăng, ni mà phân công cho thích hợp, cố gắng bảo đảm đời sống cho tăng, ni... và có thể xét trợ cấp cho những tăng, ni mà đời sống có khó khăn" (Thủ tướng Chính phủ, 1973).

Phật giáo với vai trò hình thành một tổ chức chung, hướng dẫn xây dựng đường hướng hành đạo và xây dựng bộ máy hành chính đạo

Hòa bình lập lại ở miền Bắc, năm 1958, Đảng và Nhà nước giúp đỡ Phật giáo thành lập một tổ chức chung thống nhất, đó là Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam, giúp xây dựng đường hướng hành đạo phù hợp với chế độ mới: "Ta đã giúp đỡ tăng, ni thành lập Hội Phật giáo Thống nhất ở Trung ương và một số tỉnh, đoàn kết tăng, ni trong một tổ chức duy nhất, và đi theo con đường yêu nước" (Ban Chấp hành Trung ương, 1960). Đây là chủ trương đúng của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Một mặt đáp ứng nguyện vọng của tăng, ni, Phật tử: "Có thể khẳng định rằng ý thức thống nhất Phật giáo ở thời kỳ nào cũng luôn luôn được Tăng, Ni, Phật tử ấp ủ nuôi dưỡng" (Thích Trí Quang, 2007, tr.42). Mặt khác, việc thống nhất các tổ chức Phật giáo Việt Nam trong một tổ chức sẽ giúp cho Phật giáo tổ chức tốt các hoạt động Phật sự, lựa chọn được những tăng sĩ chân tu đạo hạnh có tư tưởng yêu nước ủng hộ cách mạng vào trong Ban Lãnh đạo của Hội. Đồng thời loại bỏ những tổ chức, cá nhân lợi dụng Phật giáo hoạt động mang màu sắc mê tín dị đoan. "Cần chấp hành tốt chính sách tôn giáo, giáo dục và đối xử tốt với tăng, ni và giúp đỡ tăng, ni về đời sống, cô lập những phần tử xấu, lãnh đạo và giáo dục giới Phật giáo làm cho họ trở thành một tôn giáo yêu nước góp phần xây dựng miền Bắc" (Ban Chấp hành Trung ương, 1960).

Sau khi đất nước thống nhất, nhận thấy những điều kiện cần và đủ để thành lập một tổ chức Phật giáo thống nhất trong toàn quốc và để đáp ứng nguyện vọng thống nhất Phật giáo của toàn thể tăng, ni, Phật tử cả nước, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã giúp đỡ vận động thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Thông tri 136 ngày 30/9/1981 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng nêu rõ: "Để phù hợp với tình hình đất nước thống nhất, đáp ứng nguyện vọng của quần chúng Phật tử, tăng, ni nhiều hệ phái và để tập hợp các lực lượng Phật giáo, nhất là ở miền Nam, trong một tổ chức duy nhất hoạt động yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội theo đường lối của Đảng" (Ban Chấp hành Trung ương, 1981). Về đường hướng hành đạo, Giáo hội Phật giáo xây dựng phương châm: "Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội", do đó đã động viên được tăng, ni, Phật tử vừa làm tròn bổn phận của tín đồ vừa thực hiện nghĩa vụ của công dân đối với đất nước.

Đối với công tác xây dựng bộ máy hành chính đạo, Nhà nước tạo điều kiện để Giáo hội Phật giáo xây dựng và hoàn thiện các cấp giáo hội ở khắp các địa phương trong nước. Khi thành lập Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam năm 1958, cả miền Bắc mới có 10 tỉnh thành có Ban Trị sự; sau khi thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981) đến nay, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã có Ban Trị sự ở 63/63 tỉnh, thành phố.

Bảng 2.1. Bộ máy hành chính đạo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam qua các nhiệm kỳ từ năm 1981 đến nay

Nhiệm kỳ	Hội đồng Chứng minh (Số lượng thành viên)	Hội đồng Trị sự (Số lượng thành viên)	Cấp Giáo hội tại địa phương (Số lượng Ban Trị sự tỉnh, thành phố)	Ban ngành Giáo hội TW (Số lượng thành viên)
Nhiệm kỳ I (1981-1986)	50	49	28	6
Nhiệm kỳ II (1987-1992)	37	60	33	8
Nhiệm kỳ III (1993-1997)	33	70	41	10
Nhiệm kỳ IV (1998-2002)	67	94	45	10
Nhiệm kỳ V (2003-2007)	84	95	47	10
Nhiệm kỳ VI (2008-2012)	98	147	54	10
Nhiệm kỳ VII (2013-2017)	89	61	63	13
Nhiệm kỳ VIII (2018-2022)	96	61	63	13

Nguồn: Trung tâm Nghiên cứu và Bồi dưỡng Nghiệp vụ Công tác Tôn giáo (2008): https://phatgiao.org.vn/

Như vậy, cho đến nay, cấp hành chính đạo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã phủ hết các địa phương trong cả nước. Đây là bước tiến đáng kể của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Có bước phát triển

như vậy là do nội lực của bản thân Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhưng cũng không thể không nhắc đến chính sách tôn giáo cởi mở của Đảng và Nhà nước đối với Phật giáo nói riêng và các tôn giáo ở Việt Nam nói chung.

Phật giáo xây dựng cơ sở đào tạo tăng tài và cơ sở thờ tự

Phật giáo có tồn tại, có duy trì mạng mạch hay không là nhờ đội ngũ tăng tài truyền đăng, tục diệm. Trước năm 1981, ở miền Bắc chỉ có một trường Tu học Phật pháp Trung ương; sau năm 1981, được nâng lên thành trường Cao cấp Phật học Việt Nam với hai phân viện ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay, Phật giáo đã có hệ thống cơ sở đào tạo từ Trung ương xuống đến cơ sở ở hầu hết các địa phương.

Bảng 2.2. Minh họa sự phát triển hệ thống cơ sở đào tạo tăng tài của Giáo hội Phật giáo Việt Nam từ nhiệm kỳ I đến nhiệm kỳ VI

Cơ sở đào tạo	Trường Sơ cấp Phật học	Trường Trung cấp Phật học	Trường Cao cấp Phật học, hiện nay là Học viện Phật giáo Việt Nam
Nhiệm kỳ I (1981-1986)	Các lớp sơ cấp		- Cao cấp Phật học Hà Nội - Cao cấp Phật học thành phố Hồ Chí Minh
Nhiệm kỳ II (1987-1992)	Các lớp sơ cấp	17 trường trung cấp Phật học	- Cao cấp Phật học Hà Nội - Cao cấp Phật học thành phố Hồ Chí Minh
Nhiệm kỳ III (1993-1997)	Các lớp sơ cấp	25 trường trung cấp Phật học	- Học viện tại Hà Nội - Học viện tại Huế - Học viện tại thành phố Hồ Chí Minh
Nhiệm kỳ IV (1998-2002)	Các lớp sơ cấp	25 trường trung cấp Phật học	- Học viện tại Hà Nội - Học viện tại Huế - Học viện tại thành phố Hồ Chí Minh
Nhiệm kỳ V (2003-2007)	Các lớp sơ cấp	30 trường trung cấp Phật học	- Học viện tại Hà Nội - Học viện tại Huế - Học viện tại thành phố Hồ Chí Minh
Nhiệm kỳ VI (2008-2012)	Các lớp sơ cấp	28 trường trung cấp Phật học	- Học viện tại Hà Nội - Học viện tại Huế - Học viện tại thành phố Hồ Chí Minh - Học viện tại Cần Thơ

Nguồn: Kỷ yếu Hội nghị Thống nhất Phật giáo Việt Nam 1981; Kỷ yếu Đại hội đại biểu toàn quốc Phật giáo Việt Nam từ Đại hội II đến Đại hội VI.

Về cơ sở thờ tự, do sự bào mòn của thời gian, sự phá hoại của chiến tranh và vô ý thức của con người, nhiều chùa chiền, tự viện, niệm Phật đường bị hư nát và hoang phế. Sau khi đất nước thống nhất, nhất là sau khi Nhà nước thực hiện chính sách đổi mới về tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng Phật giáo đã được chính quyền tạo điều kiện về nhiều mặt như cấp đất, thủ tục cấp giấy phép xây dựng, huy động các nguồn kinh phí, do vậy, số lượng cơ sở thờ tự của Phật giáo được tu sửa, xây dựng mới ngày càng nhiều với quy mô hoành tráng như chùa Bái Đính, Thiền viện Tây Thiên, Yên Tử, chùa Tam Chúc. Theo Báo cáo tổng kết hoạt động 5 năm nhiệm kỳ II (1987-1992) của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, có 8.463 tự viện (trong đó tự viện Bắc tông: 7.658, Nam tông: 563 và tịnh xá Khất sĩ: 242).

Theo Báo cáo tổng kết hoạt động 5 năm của Hội đồng trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhiệm kỳ VII (2012-2017), Tự viện có 18.466 ngôi, gồm 15.846 Tự viện Bắc tông, 454 chùa Nam tông Khmer, 106 chùa Nam tông Kinh, 541 Tịnh xá, 467 Tịnh thất, 998 Niệm Phật đường, 54 Tự viện Hoa.

Từ những số liệu trên chúng ta thấy, cơ sở thờ tự của Phật giáo tăng nhanh chóng, nhất là Bắc tông, qua đó thể hiện chính sách của Nhà nước ngày càng thông thoáng hơn, đáp ứng nhu cầu của Giáo hội và nhu cầu tín ngưỡng tâm linh của nhân dân. Trong các dịp lễ hội, nhất là tết cổ truyền của dân tộc, chính quyền địa phương kết hợp với các cơ sở chùa chiền của Phật giáo mở cửa tổ chức lễ hội cho nhân dân, vừa thỏa mãn nhu cầu tâm linh, vừa phát triển kinh tế địa phương, vừa đảm bảo an ninh trật tự, bảo vệ môi trường, cảnh quan du lịch.

Trong công tác đối ngoại tôn giáo, Nhà nước hướng dẫn giúp đỡ Giáo hội Trung ương tổ chức các Đại hội Phật giáo trong nước và cùng Giáo hội Phật giáo tổ chức đại hội Phật giáo có tính chất quốc tế như đại lễ Vesak 2019. Nhà nước cũng cho phép nhiều tăng, ni sinh ra nước ngoài học tập và tạo điều kiện thuận lợi để Giáo hội Phật giáo Việt Nam mở các cơ sở Phật giáo ở nước ngoài. Có thể nói, suốt thời kỳ kháng chiến và trong thời kỳ xây dựng phát triển đất nước, Đảng và Nhà nước đã vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để xây dựng và ban hành nhiều chính sách, trong đó có chính sách đối với tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng. Những chính sách đó đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong việc đoàn kết toàn dân tộc, động viên các tín đồ, chức sắc tôn giáo tin tưởng, hăng hái tham gia đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và Nhà nước.

Kết luận

Tình yêu thương con người, lòng từ bi bác ái, tư tưởng bình đẳng là một trong những điểm tương đồng giữa Đức Phật và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tư tưởng từ bi, trí tuệ tạo nên giá trị cốt lõi lớn lao của Phật giáo, và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, trong đó có Phật giáo, để làm giàu thêm kho tàng tư tưởng của mình. Tiếp thu di sản tư tưởng của Người, Nhà nước Việt Nam đã nhận thức đúng đắn những giá trị văn hóa Phật giáo, từ đó có nhiều chính sách ứng xử phù hợp với các tôn giáo, trong đó có Phật giáo. Trong thời kỳ Đổi mới, nhất là từ năm 1990 đến nay, Đảng và Nhà nước Việt Nam có sự đổi mới nhận thức về tôn giáo và chính sách tôn giáo thông qua việc ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tôn giáo, tín ngưỡng. Các văn bản này thể hiện quyền bình đẳng giữa các tôn giáo, phát huy các giá trị văn hóa, đạo đức tôn giáo tốt đẹp, trong đó có Phật giáo. Trước hết, Nhà nước xem tôn giáo, trong đó có Phật giáo, là bộ phận của văn hóa dân tộc, góp phần làm phong phú văn hóa dân tộc. Đảng và Nhà nước nhìn nhận tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng trong mối quan hệ với đạo đức. Trên phương diện đạo đức, Phật giáo hướng dẫn con người tình thương yêu đồng loại, bao dung, nhân ái, bảo vệ môi trường. Phật giáo răn dạy tín đồ không trộm cắp, sống trung thực. Tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng là nhu cầu và là quyền của con người, đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp gần với đạo đức của xã hội mới, tôn giáo cũng là nguồn lực quan trọng để phát triển đất nước và sẽ còn tồn tại lâu dài trong sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương (1960), *Chỉ thị 217 về công tác đối với Phật giáo*, ngày 9/7/1960.
2. Ban Văn hóa Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (8/1990), *Tập văn Vu lan*, số 18
3. Thích Đồng Bổn (chủ biên) (2002), *Tiểu sử danh tăng Việt Nam thế kỷ XX*, Tập 2, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
4. Võ Đình Cường (1987), *Ánh đạo vàng*, Phật học Viện Quốc tế xuất bản, USA.
5. Trí Thắng Kim Dung (2000), *Danh ngôn Hồ Chí Minh*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
6. Hòa thượng Thích Mãn Giác (2013), *Nhớ chùa*. http://www.phatgiaohue.vn/news.aspx?KenhID=89&ChuDeID=0&TinTucID=1230, ngày truy cập 20/4/2020.
7. Giao thông (2/9/2016), *Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tuyên ngôn độc lập ngày 2/9/1945*, https://www.baogiaothong.vn/video-chu-tich-ho-chi-minh-doc-tuyen-ngon-doc-lap-ngay-291945-d166551.html, ngày truy cập 20/4/2020.
8. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, https://phatgiao.org.vn/, ngày truy cập 17/4/2020.
9. Trần Việt Hoàn - Lê Kim Dung (1997), *Một trăm lĩnh năm lời nói của Bác Hồ*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
10. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2000), *Hồ Chí Minh toàn tập*, Tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
11. Nguyễn Khắc Huy (2007), "Pháp luật tôn giáo ở Việt Nam từ năm 1990 đến nay", Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1.
12. Kỷ yếu 25 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981-2007).
13. Hồ Chí Minh (1947), *Thư gửi Hội Phật tử Việt Nam*, ngày 30/8/1947. https://tennguoidepnhat.net/2012/07/16/thu-gui-hoi-phat-tu-viet-nam-30-8-1947/, ngày truy cập 15/3/2020.
14. Thích Đức Nghiệp (1995), *Hồ Chủ Tịch một biểu trưng nhân bản Việt Nam trong đạo Phật Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
15. Cảnh Nguyên, Hồ Văn Sơn (2005), *Thơ Hồ Chí Minh*, Nxb. Nghệ An, Nghệ An.
16. Thích Trí Quảng (2007), "Hoài bão thống nhất Phật giáo Việt Nam đã trở thành hiện thực tốt đẹp", Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2.
17. Lê Mạnh Thát (chủ biên) (2005), *Phát giáo thời đại mới cơ hội và thách thức*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
18. Tiểu ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Tỉnh ủy Nghệ An (2004), *Hồ Chí Minh thời niên thiếu*, Nxb. Nghệ An, Nghệ An.
19. Thủ tướng Chính phủ (1973), Chỉ thị số 88-TTg ngày 26/4/1973 về việc chấp hành chính sách đối với việc bảo vệ chùa thờ Phật và đối với tăng ni.
20. Thường vụ Hội đồng Chính phủ (1968), Thông báo số 37 ngày 24/9/1968.
21. Trung tâm Nghiên cứu và Bồi dưỡng Nghiệp vụ Công tác Tôn giáo (2008), *Tôn giáo và công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động tôn giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
22. Nguyễn Thanh Xuân (2012), *Một số tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội